SƠ ĐỒ CHUYÊN ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT

XÃ PHÚ MỸ - TỈNH ĐẮK LẮK

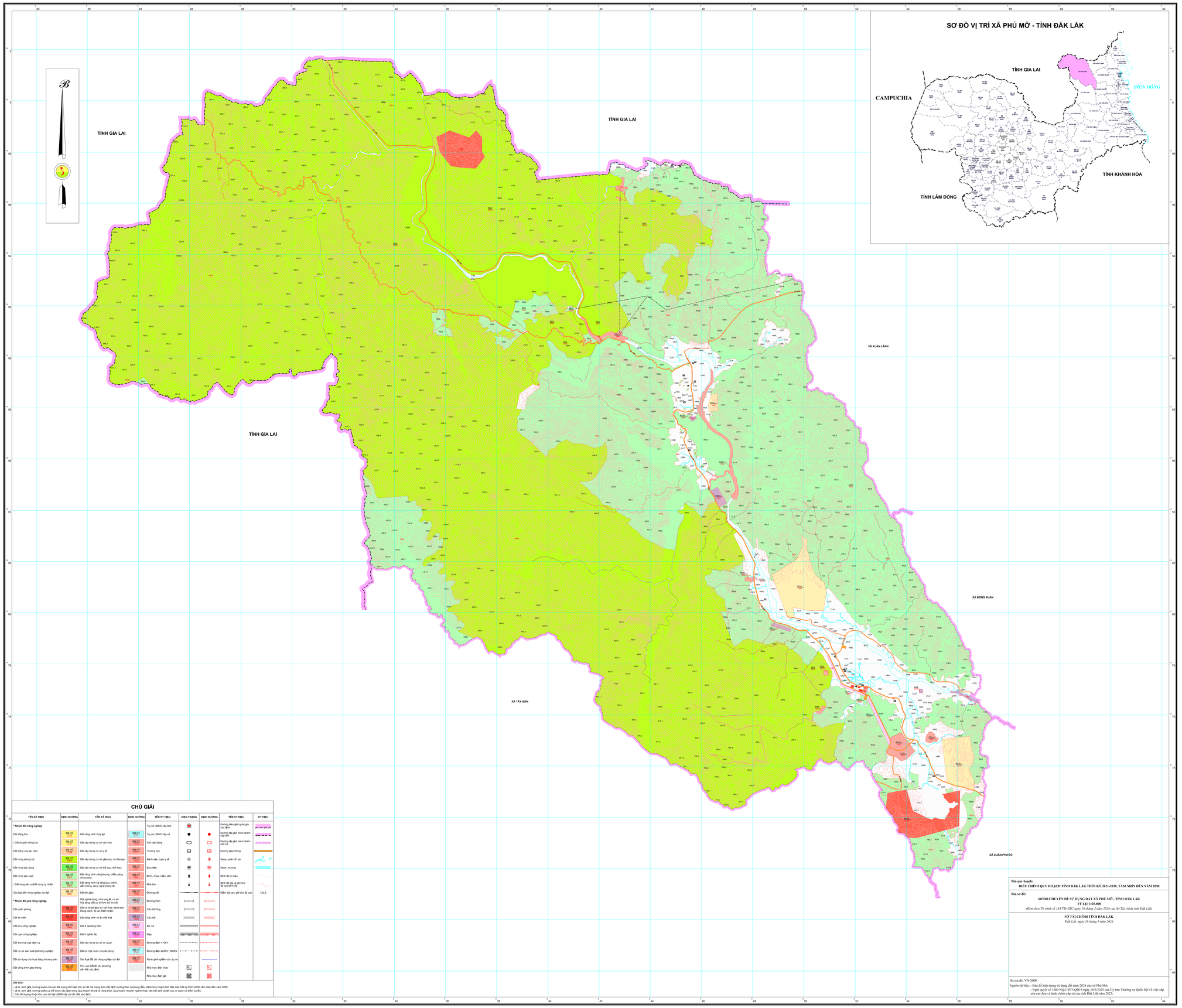

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ PHÚ MỸ - TỈNH ĐẮK LẮK

CHÚ GIẢI

TÊN KÝ HIỆU	ĐỊNH HƯỚNG	TÊN KÝ HIỆU	ĐỊNH HƯỚNG	TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	ĐỊNH HƯỚNG	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU
* Nhóm đất nông nghiệp				Trụ sở UBND cấp tỉnh			Đường biên giới quốc gia xác định	
Đất trồng lúa	NNL/HT (LUA)	Đất công trình thủy lợi	NNL/HT (DTL)	Trụ sở UBND cấp xã			Đường địa giới hành chính cấp tỉnh	
- Đất chuyên trồng lúa	NNL/HT (LUC)	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	NNL/HT (DVH)	Sân vận động			Đường địa giới hành chính cấp xã	
Đất trồng cây lâu năm	NNL/HT (CLN)	Đất xây dựng cơ sở y tế	NNL/HT (DYT)	Trường học			Đường giao thông	
Đất rừng phòng hộ	NNL/HT (RPH)	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	NNL/HT (DGD)	Bệnh viện, trạm y tế			Sông, suối, hồ, ao	
Đất rừng đặc dụng	NNL/HT (RDD)	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	NNL/HT (DTT)	Đưu điện			Kênh, mương	
Đất rừng sản xuất	NNL/HT (RSX)	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	NNL/HT (DNL)	Đình, chùa, miếu, đền			Ranh độ cơ bản	
- Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	NNL/HT (RSN)	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	NNL/HT (DBV)	Nhà thờ			Ranh độ cách ly phí chú độ sơn bình độ	
Các loại đất nông nghiệp còn lại	NNL/HT (NKH)	Đất tôn giáo	NNL/HT (TON)	Đường sắt			Điểm độ cao, ghi chú độ cao	123,5
* Nhóm đất phi nông nghiệp		Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng/ đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NNL/HT (NTD)	Đường hầm				
Đất quốc phòng	NNL/HT (CQP)	Đất có di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	NNL/HT (DDT)	Cầu bê tông				
Đất an ninh	NNL/HT (CAN)	Đất công trình xử lý chất thải	NNL/HT (DRA)	Cầu sắt				
Đất khu công nghiệp	NNL/HT (SKK)	Đất ở tại nông thôn	NNL/HT (ONT)	Đê, kè				
Đất cụm công nghiệp	NNL/HT (SKN)	Đất ở tại đô thị	NNL/HT (ODT)	Đập				
Đất thương mại, dịch vụ	NNL/HT (TMD)	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	NNL/HT (TSC)	Đường điện 110KV				
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	NNL/HT (SKC)	Đất có mặt nước chuyên dùng	NNL/HT (MNC)	Đường điện 220KV, 500KV				
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	NNL/HT (SKS)	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại	NNL/HT (PNK)	Ranh giới nghiên cứu dự án				
Đất công trình giao thông	NNL/HT (DGT)	Khu vực UBND xã, phường cần đổi, xác định,		Nhà máy điện khác				
				Nhà máy điện gió				

Ghi chú:
- Vị trí, ranh giới, hướng tuyến của các đối tượng thể hiện trên sơ đồ chỉ mang tính chất định hướng theo nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Vị trí, ranh giới, hướng tuyến cụ thể được xác định trong Quy hoạch đô thị và nông thôn, Quy hoạch chuyên ngành hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.
- Các đối tượng thuộc khu vực còn tại UBND cấp xã còn đất, xác định.

Tên quy hoạch:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Tên sơ đồ:
SƠ ĐỒ CHUYÊN ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT XÃ PHÚ MỸ - TỈNH ĐẮK LẮK
TỶ LỆ: 1:25.000
(Kèm theo Tờ trình số 183/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk)

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐẮK LẮK
Đắk Lắk, ngày 28 tháng 5 năm 2026

Hệ tọa độ: VN-2000
Nguồn tài liệu: - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của xã Phú Mỹ;
- Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

TỶ LỆ 1 : 25.000